

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC HƯNG**

Số: 85/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phước Hưng, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công khai dự toán thu, chi
ngân sách địa phương năm 2023 để trình HĐND xã
khóa XIII, kỳ họp thứ 7 phê chuẩn**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật số 47/2015/QH14 ngày 22/11/2015 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 82/2015/QH 13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách ;

Xét đề nghị của Công chức kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 để trình HĐND xã khóa XIII, kỳ họp thứ 7 phê chuẩn(Có phụ lục kèm theo).

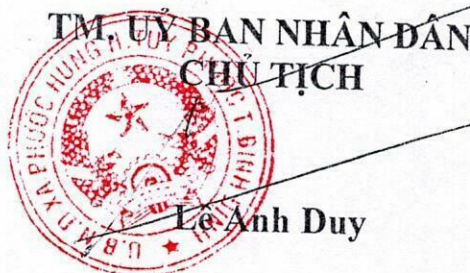
Điều 2. Giao Công chức kế toán ngân sách xã có trách nhiệm công khai theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, Công chức kế toán ngân sách xã, các bộ phận, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT; KT.





CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	12.327.200.000	TỔNG SỐ CHI	12.327.200.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.374.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.389.700.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	553.500.000	II. Chi thường xuyên	4.842.500.000
III. Thu bổ sung		III. Dự phòng	95.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.010.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.389.700.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)
(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	50.927.073.904	41.071.930.290	15.074.000.000	12.327.200.000	0,30	2,00
I	Các khoản thu 100%	1.511.554.709	1.511.554.709	1.099.000.000	1.099.000.000	0,73	0,73
	Phí, lệ phí	42.514.000	42.514.000	45.000.000	45.000.000	1,06	1,06
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.278.686.000	1.278.686.000	970.000.000	970.000.000	0,76	0,76
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				0		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	12.119.709	12.119.709		0		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				0		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định			0	0		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0	0	0		
	- Thu khác	178.235.000	178.235.000	84.000.000	84.000.000	0,47	0,47
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10.693.434.260	838.290.646	10.965.000.000	828.500.000	1,03	0,99
1	Các khoản thu phân chia	10.693.434.260	838.290.646	10.965.000.000	828.500.000	1,03	0,99
	- Thuế thu nhập cá nhân			80.000.000	0		

	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	18.000.000	18.000.000	1,13	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			30.000.000			
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	27.800.000	27.800.000	25.000.000	25.000.000	0,90	
	- Thuế GTGT-TNDN	5.324.906.460	532.490.646	5.535.000.000	553.500.000		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	262.000.000	262.000.000	232.000.000	232.000.000	0,89	
	- Thuế Tài nguyên			45.000.000			
	- Thu tiền sử dụng đất	5.062.727.800		5.000.000.000		0,99	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh c	0	0	0	0		
	-						
III	Thu nguồn Cải cách tiền lương						
IV	Thu chuyển nguồn	6.859.403.383	6.859.403.383		0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	1.595.552	1.595.552			0,00	0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	31.861.086.000	31.861.086.000	3.010.000.000	10.399.700.000	0,09	0,33
	- Thu bổ sung cân đối	2.549.000.000	2.549.000.000	3.010.000.000	3.010.000.000	1,18	1,18
	- Thu bổ sung có mục tiêu	29.312.086.000	29.312.086.000		7.389.700.000		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)
(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)

Đơn vị: đồng

STT		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	31.741.848.000	26.449.048.000	5.292.800.000	12.327.200.000	7.389.700.000	4.937.500.000	0,39	0,28	0,93
	Trong đó	31.741.848.000	26.449.048.000	5.292.800.000						
1	Chi giáo dục	2.600.000.000	2.600.000.000		1.480.000.000	1.480.000.000				
2	Chi an ninh, quốc phòng	448.174.211		448.174.211	479.563.000		479.563.000			
3	Chi y tế	0			0					
4	Chi văn hóa, thông tin	1.447.206.000	1.303.206.000	144.000.000	222.000.000	120.000.000	102.000.000	0,15		0,71
5	Chi phát thanh, truyền thanh	77.069.452		77.069.452	76.564.000		76.564.000	0,99		0,99
6	Chi thể dục thể thao	78.708.000		78.708.000	20.000.000		20.000.000			
7	Chi bảo vệ môi trường	336.800.000		336.800.000	47.000.000		47.000.000	0,14		0,14
8	Chi các hoạt động kinh tế	22.474.165.296	22.183.914.000	290.251.296	5.566.200.000	5.369.700.000	196.500.000	0,25	0,24	0,68
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.109.037.041	361.928.000	3.747.109.041	4.187.873.000	420.000.000	3.767.873.000			
10	Chi cho công tác xã hội	170.688.000		170.688.000	129.000.000		129.000.000	1,02		1,01
11	Chi khác	0			24.000.000		24.000.000	0,76		0,76
12	Dự phòng ngân sách	0		0	95.000.000		95.000.000			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)

Đơn vị: đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	TỔNG KINH PHÍ	KẾ HOẠCH VỐN THANH TOÁN			Ghi chú
			Nguồn TW+ tỉnh	Nguồn huyện	Nguồn xã (đầu giá QSD đất)	
I	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ	2.111.000	301.000	-	1.810.000	
1	Xây dựng trạm bơm điện cánh Bắc đập Gò Đậu xã Phước Hưng	4.000			4.000	
2	Tuyến: Từ nhà Phan Văn Mãi đến nhà Võ Long Cư	90.000	90.000			
3	Tuyến kênh tưới xóm 3 Quảng Nghiệp	89.000	89.000			
4	Tuyến kênh tưới kẹp theo S1 Biểu Chánh	87.000	87.000			
5	Kênh mương Nam Gò Đậu xóm 18	35.000	35.000			

6	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm Đoạn: Từ đường liên xã đến Khu di tích lịch sử thăm sát Nho Lâm	10.000			10.000	
7	Xây dựng Chợ Háo Lễ	450.000			450.000	
8	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Q.Nghiệp Đoạn: Từ ĐT 636(nhà ông Đầu) đến ĐT 636 (nhà ông Thương)	200.000			200.000	
9	Trường mầm non Phước Hưng: Hạng mục: San nền, tường rào cổng ngõ và nhà bảo vệ	20.000			20.000	
10	Trường tiểu học số 2 Phước Hưng: Hạng mục: Sân nền, nhà vệ sinh +vĩa hè và hệ thống thoát nước	20.000			20.000	
11	Giao thông xã đoạn từ ĐT 636 đến UBND xã; Hạng mục: Cải tạo hoa viên, sơn vạch kẻ đường + vĩa hè	276.000			276.000	
12	Gia cố mái kênh Vân Triều Tuyến: Từ Cầu 16 đến Đập Bạ Như	100.000			100.000	
13	Bê tông giao thông nông thôn Quảng Nghiệp: Tuyến: Trần xóm 3 đến bê tông xóm 4	20.000			20.000	

14	Bé tông giao thông nông thôn Hào Lẽ: - Tuyến: từ Cầu Hào Lẽ đến nhà ông Liêm Tân Hội - Tuyến bê tông xóm 15 đến nhà ông Trần Xuân Phương + Đặng Văn Minh + Dương Văn Đông	20.000				20.000
15	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn Biểu Chanh, Quảng Nghiệp và An Cựu; Hàng mục: Bé tông nhựt	50.000				50.000
16	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn thôn Tân Hội, Lương Lộc, Hào Lẽ và Nho Lâm; Hàng mục: Bé tông nhựt	50.000				50.000
17	Bé tông giao thông nông thôn Nho Lâm: - Tuyến: Từ Sông Gò Châm đến nhà ông Chương + 8 Đục xóm 20 Nho Lâm - Tuyến: Từ bê tông xóm 20 đến giáp Phước Quang (Bờ Bắc)	20.000				20.000
18	Bé tông giao thông nông thôn Hào Lẽ - Nho Lâm: Tuyến: Từ cầu 19 đến cầu 20 Nho Lâm (Bờ Nam)	30.000				30.000
19	Bé tông giao thông nông thôn Tân Hội: - Tuyến: Từ nhà ông Liêm đến Hóp tác xã Phước Hưng - Tuyến: Đường liên xã đến nhà Man Đức Thiện	20.000				20.000

20	Khu trung tâm xã; Hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước+ vỉa hè	30.000			30.000	
21	Pano tuyên truyền trực quang	30.000			30.000	
22	Hạ tầng khu dân cư năm 2021 tại xã Phước Hưng	50.000			50.000	
23	Di dời đường dây 0,4KV thuộc trạm biến áp Tây Quảng Nghiệp để mở rộng giao thông	30.000			30.000	
24	Khu vui chơi giải trí thôn Háo Lễ(giai đoạn 1); Hạng mục: San nền, hệ thống thoát nước	40.000			40.000	
25	Trường Tiểu học số 2 Phước Hưng; Hạng mục: Sân thể thao	340.000			340.000	
II	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	1.470.000	-	-	1.470.000	
1	Mở rộng trường tiểu học số 1 Phước Hưng (điểm Quảng Nghiệp); Hạng mục: Đền bù giải phóng mặt bằng	500.000			500.000	
2	KCH kênh mương thôn Quảng Nghiệp: Tuyến: kênh tưới xóm 3 Quảng Nghiệp(đoạn 2)	50.000			50.000	

3	KCH kênh mương thôn Quảng Nghiệp: Tuyến: kênh tưới xóm 6 (Chùa Bích Nam đến mương TAX3)	200.000			200.000	
4	KCH kênh mương thôn Biểu Chánh: Tuyến: kênh tưới kẹp theo S1 Biểu Chánh (đoạn 2)	50.000			50.000	
5	KCH kênh mương thôn Tân Hội: Tuyến: đường liên xã đến Man Đức Thiện+ dưới nhà hàng Nam Thái	30.000			30.000	
6	KCH kênh mương thôn Biểu Chánh: Tuyến: kênh tưới xóm 1 đến khẩu đập Gò Đậu	30.000			30.000	
7	KCH kênh mương kết hợp GTND thôn Lương Lộc; Tuyến: dưới nhà Ba Nam đến giáp mương bê tông cũ xóm 14	30.000			30.000	
8	Kênh mương xóm 15 thôn Háo Lễ; Tuyến: Từ Vân Triều đến giáp Bờ Bạ xóm 16(kênh hình thang)	200.000			200.000	
9	Xây dựng nhà máy sấy lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Hưng	20.000			20.000	
10	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các điểm dân cư xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	260.000			260.000	

11	Quy hoạch Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	20.000			20.000	
12	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 từ điểm tiêu thụ công nghiệp sang khu dịch vụ thương mại xã Phước Hưng	30.000			30.000	
14	Sân nền Chợ Háo Lễ	50.000			50.000	
III	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI	3.808.700	738.700	1.350.000	1.720.000	
1	Trường tiểu học số 1 Phước Hưng; Hạng mục: San nền, Tường rào cổng ngõ, cảnh quang	200.000		150.000	50.000	
2	Mở rộng Trường mầm non An Cửu (giai đoạn 2); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, nâng nền, hệ thống thoát nước và Tường rào	200.000		150.000	50.000	
3	Mở rộng Trường Trung học cơ sở Phước Hưng; Hạng mục: Đền bù giải phóng mặt bằng, San nền, tường rào, Nhà đa năng	200.000		150.000	50.000	

11	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến: Từ đường liên xã (cây xăng Trường Út) đến xóm 4 Quảng Nghiệp.	200.000		150.000	50.000	
12	Giao thông trục đường chính xã; Hạng mục: Hệ thống thoát nước mưa xóm 3 Quảng Nghiệp	50.000			50.000	
13	Nâng cấp bê tông giao thông nông thôn Háo Lễ; Hạng mục: Bê tông nhựa	798.700	738.700		60.000	
14	Đường giao thông xã; Hạng mục: Biển báo giao	70.000			70.000	
15	Bê tông giao thông nông thôn thôn Quảng Nghiệp; - Tuyến từ Nhà Thờ Quảng Nghiệp đến xóm nhà Nguyễn Văn Báu - Tuyến từ Nhà Châu Ngọc Ánh đến nhà Châu Ngọc Lập + nhà Nguyễn Văn Sáu - Tuyến bê tông xóm 3 đến nhà Huỳnh Văn	40.000			40.000	
16	Bê tông giao thông nông thôn thôn Biều Chánh; - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Nguyễn Văn Thời - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Nguyễn Tiến Dũng - Tuyến từ bê tông xóm 1 đến nhà ông Lê Thanh Long	40.000			40.000	

17	Bê tông giao thông nông thôn thôn Tân Hội; - Tuyến từ đường liên xã đến nhà ông Trần Nguyễn Tuấn Kiệt - Tuyến từ đường lên xã đến nhà ông Phan Văn Bình + Trần Văn Toa. - Tuyến từ đường liên xã đến Bến Dinh. - Tuyến từ nhà Trần Văn Bình đến Huỳnh Văn	40.000			40.000	
18	Bê tông giao thông nội đồng thôn Quang Nghiệp; Tuyến: Từ đường ĐT 636 (nhà Lê Âm) đến sân kho xóm 6	40.000			40.000	
19	Bê tông giao thông nội đồng thôn Tân Hội; Tuyến: Từ đường liên xã đến giáp vùng ruộng xóm 10	40.000			40.000	
20	Bê tông giao thông nội đồng thôn Lương Lộc; Tuyến: Từ Gò Đình đến giáp Tân Hội	40.000			40.000	
21	Bê tông giao thông nội đồng thôn Háo Lễ; Tuyến từ Cổng 15 Vân Triều đến cổng điều tiết xóm 14	40.000			40.000	
22	Bê tông giao thông nội đồng thôn Háo Lễ; Tuyến từ nhà Đặng Thành Phán đến Đám sân giáp Tân Dân	40.000			40.000	
23	Bê tông giao thông nội đồng thôn Nho Lâm; Tuyến từ cổng điều tiết xóm 14 đến cổng điều tiết xóm 20	40.000			40.000	

24	Bê tông giao thông nội đồng thôn Nho Lâm; Tuyến từ Bê tông xóm 19 đến Bờ Bạ Chân Âm	40.000			40.000	
25	Cứng hoá GTNĐ thôn Háo Lễ; Tuyến từ Gò Ngói đến giáp vùng ruộng xóm 13 Lương Lộc	30.000			30.000	
26	Cứng hoá GTNĐ thôn Tân Hội; Tuyến từ đường bê tông xóm 10 đến Sân kho	50.000			50.000	
27	KCH kênh mương thôn An Cửu; tuyến kênh tưới xóm 8 thôn An Cửu (Khẩu TAX3 Đám Lùn đến Trạm Nhất + Châu Thanh Hậu.	50.000			50.000	
28	KCH kênh mương thôn Tân Hội; Tuyến từ Nam Gò Đậu đến giáp mương S1.	50.000			50.000	
29	KCH kênh mương thôn Tân Hội; Tuyến từ đường xóm 10 đến vùng ruộng xóm 12	50.000			50.000	
30	KCH kênh mương thôn Háo Lễ; Tuyến kênh Đám Sân đến Phan Văn Mãi	50.000			50.000	
31	KCH kênh mương thôn Háo Lễ tuyến từ Võ Long Cư đến Cầu xóm 16	50.000			50.000	

32	KCH kênh mương thôn Nho Lâm; Tuyến từ Đập Cùm xóm 19 đến Xã Tuyền	50.000			50.000	
33	KCH kênh mương thôn Nho Lâm; Tuyến từ Bờ Bạ Chân Âm đến Thảm Sát Nho Lâm	60.000			60.000	
34	KCH kênh mương thôn Nho Lâm; Tuyến từ Cầu Đình ra Chân Bàu	40.000			40.000	
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Lương Lộc, Háo Lễ, Nho Lâm	50.000			50.000	
36	Quy hoạch sân thể thao xã khu đông thôn Lương Lộc, Háo Lễ, Nho Lâm	30.000			30.000	
37	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư năm 20	30.000			30.000	
Tổng cộng		7.389.700	1.039.700	1.350.000	5.000.000	



KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/12/2022)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	35.000.000	34.000.000	1.000.000	30.000.000	28.000.000	2.000.000
- Quỹ Vì người nghèo	25.000.000	15.000.000	10.000.000	35.000.000	28.000.000	7.000.000
- Quỹ Chăm sóc trẻ em	30.000.000	21.000.000	9.000.000	29.000.000	25.000.000	4.000.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi